

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 21-9-2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Thành
2. Ông Nguyễn Hồng Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng A**

Địa chỉ: Số 2, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **H** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP (Theo giấy ủy quyền số 153/GUQ-NHNoTP ngày 05/5/2021)

- ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Đan Thùy**, sinh năm 1980 và ông **Phạm Văn Minh**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp T, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(*Có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn bà Nguyễn Thị Đan Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Văn M vắng mặt.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 05/5/2021, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/9/2015 Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP đã cho ông M và chị Th vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), theo Giấy đề nghị

kiêm phương án vay vốn (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) và sổ vay vốn số NA 4302074 ngày 03/9/2015, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 7%/năm; số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay: Nuôi cá; ngày nhận nợ là 04/9/2015; ngày đến hạn 03/9/2016; Kỳ hạn trả nợ: 03/9/2016 trả 100.000.000 đồng.

Về tài sản: Ngân hàng A cho vay theo Điều 5 và Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể Ngân hàng A cho vay không có tài sản đảm bảo nhưng bà Th, ông M phải nộp cho Ngân hàng Giấy xác nhận diện tích đất canh tác tại xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai diện tích 2.827,5m² đứng tên ông Phạm Văn M, nay Ngân hàng A cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Th, ông M đã đóng tiền lãi cho Ngân hàng A đến ngày 03/6/2016 với số tiền là 5.327.777 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ gốc và tiền lãi Ngân hàng A đã yêu cầu ông M, bà Th nhiều lần nhưng ông M, bà Th vẫn không trả cho Ngân hàng A số tiền vay gốc và lãi còn nợ.

Tính đến ngày 21/9/2021, bà Nguyễn Thị Đan Th, ông Phạm Văn M còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.055.785 đồng, lãi quá hạn 17.663.014 đồng, tổng cộng là 154.718.798 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà Th và ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 154.718.798 đồng (Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2021, lãi trong hạn là 37.055.785 đồng, lãi quá hạn 17.663.014 đồng).

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 03/6/2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Đan Th trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 04/9/2015 vợ chồng bà có vay của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), theo giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) và sổ vay vốn số NA 4302074 ngày 03/9/2015, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 7%/năm; số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay: Nuôi cá; ngày nhận nợ là 04/9/2015; ngày đến hạn 03/9/2016; Kỳ hạn trả nợ: 03/9/2016 trả 100.000.000 đồng.

Về tài sản: Ngân hàng A cho vay không có tài sản đảm bảo nhưng vợ chồng bà phải nộp cho Ngân hàng A Giấy xác nhận diện tích đất canh tác tại xã Phú Thanh huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai diện tích 2.827,5m² đứng tên ông Phạm Văn M.

Đến kỳ hạn trả nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng A số tiền vay gốc và lãi còn nợ. Nay Ngân hàng A yêu cầu vợ chồng bà phải có nghĩa vụ trả số tiền là 150.739.757 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/5/2021 là 50.739.757 đồng thì bà cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng A.

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Giấy ủy quyền của ông Đông cho ông Hưng ghi ngày 05/5/2021 (Bản chính); Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng A (Bản sao); Chứng minh nhân dân của chị Th, anh M (Bản sao); Sổ vay vốn của chị Th (Bản photo); Theo dõi phát tiền vay và kì hạn trả nợ (Bản sao); Giấy xác nhận diện tích (Bản sao); Biên bản

xử lý nợ quá hạn ngày 06/6/2016 và ngày 06/6/2017 (Bản sao); Giấy ủy quyền của anh M cho chị Th ngày 01/9/2015 (Bản sao); Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ghi ngày 03/9/2015 (Bản sao); Bản tính gốc lãi phải trả đến ngày 05/5/2021 (Bản chính); bản tự khai (bản chính); báo nhân dân (Bản chính).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Tân Phú buộc ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Đan Th phải trả cho Ngân hàng A số tiền vay là 154.718.798 đồng (Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2021, lãi trong hạn là 37.055.785 đồng, lãi quá hạn 17.663.014 đồng).

- Ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị Đan Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 05/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Nguyễn Thị Đan Th, ông Phạm Văn M có địa chỉ cư trú: Xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

Ngày 05/5/2021, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông M, bà Th trả số tiền vay còn nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 39.717.808 đồng, lãi quá hạn 16.339.726 đồng, tổng cộng là 150.739.757 đồng. Căn cứ theo khoản 3, Điều 26, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định Ngân hàng A là nguyên đơn, bà Th, ông M là bị đơn.

[1.3]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đan Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Đan Th, ông Phạm Văn M theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện ngày 03

tháng 9 năm 2015, bà Nguyễn Thị Đan Th có ký giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Ông Phạm Văn M đã ủy quyền cho bà Th làm đại diện theo pháp luật cho hộ gia đình trong mọi quan hệ vay vốn với Ngân hàng A theo văn bản ủy quyền ngày 01/9/2015) và sổ vay vốn số NA 4302074 để vay của Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 7%/năm; số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay: Nuôi cá; Kỳ hạn trả nợ ngày 03/9/2016 trả 100.000.000 đồng; Định kỳ trả lãi 03 tháng/lần, số tiền vay đã được giải ngân vào ngày 04/9/2015.

[3.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền lãi đến ngày 03 tháng 6 năm 2016 là 5.327.777 đồng. Sau đó, bà Th, ông M không thanh toán tiếp tiền lãi và tiền gốc khi đến hạn nên đã vi phạm kỳ hạn trả nợ theo giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) và sổ vay vốn số NA 4302074 ngày 03/9/2015, đến nay đã để nợ quá hạn. Ngân hàng A đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà Th trả nợ nhưng ông M, bà Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[3.3]. Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 03/6/2021 bà Nguyễn Thị Đan Th thừa nhận vào ngày 03 tháng 9 năm 2015, bà đã ký giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) và sổ vay vốn số NA 4302074 để vay của Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng, số tiền vay đã được giải ngân vào ngày 04/9/2015, vợ chồng bà đã trả lãi cho Ngân hàng A đến ngày 09/6/2016. Từ đó cho đến nay vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà vẫn chưa trả được cho Ngân hàng A số tiền còn nợ, nay Ngân hàng A khởi kiện thì vợ chồng bà đồng ý trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi còn nợ.

[4] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà Th, ông M còn nợ Ngân hàng A số tiền 154.718.798 đồng (Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2021, lãi trong hạn là 37.055.785 đồng, lãi quá hạn 17.663.014 đồng).

[5] Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 463, 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, buộc bà Th, ông M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng A số nợ vay còn thiếu theo giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) và sổ vay vốn số NA 4302074 gồm gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2021 là 154.718.798 đồng.

[6] Hồ sơ thể hiện bà Th, ông M có nộp Giấy xác nhận diện tích đất canh tác tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai diện tích 2.827,5m² đứng tên ông Phạm Văn M cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP giữ. Xét thấy, Giấy xác nhận diện tích đất canh tác được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận không phải là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, bà Th, các bên thỏa thuận chưa đảm bảo đúng hình thức, thủ tục theo quy định tại các Điều 309, 317 Bộ luật Dân sự về cầm cố tài sản và thế chấp tài sản và Ngân hàng A cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Th, ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39, 68, 95, 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP đối với bà Th, ông M.

Buộc bà Th, ông M phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP số tiền 154.718.798 đồng (Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2021, lãi trong hạn là 37.055.785 đồng, lãi quá hạn 17.663.014 đồng).

Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2021, bà Nguyễn Thị Đan Th, ông Phạm Văn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A cho vay.

2. Về án phí:

Bà Th, ông M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.735.900 đồng (154.718.798 đồng x 5%).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện TP số tiền 3.768.400 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004171 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

Nguyễn Bá Đại